

## **PHÁT TRIỂN THÀNH PHẦN KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN**

### **DEVELOPING THE STATE CAPITALIST ECONOMIC SECTOR IN DA NANG CITY: FROM THEORY TO REALITY**

*Trần Đình Mai*

*Đại học Đà Nẵng*

#### **TÓM TẮT**

Để phát huy tối đa các nguồn lực kể cả trong và ngoài nước, một điều kiện không thể thiếu đó là phải phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, phải tạo động lực cho các khu vực kinh tế cùng phát triển, nhất là đối với thành phần kinh tế tư bản nhà nước (TBNN) và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Nhằm làm sáng tỏ thành phần kinh tế TBNN, tác giả khái quát lại một số lý luận của các nhà kinh điển về việc phát triển thành phần kinh tế TBNN và tình hình thực hiện nó ở một số nước, cũng như phân tích thực trạng thành phần kinh tế TBNN ở một địa bàn cụ thể tại thành phố Đà Nẵng. Sau đó đề ra một số giải pháp để phát triển thành phần kinh tế TBNN ở Đà Nẵng.

#### **ABSTRACT**

To take full advantages of internal and external resources, we should promote the strength and development of some economic sectors, especially the state capitalist economic sector and the foreign-invested economic sector. To clarify the state capital economic sector, the author focuses on generalizing some theories about development in some countries and analysing the reality of this economic sector in a particular section in Danang City. In this article, some solutions to the development of this sector in Danang city will also be discussed.

#### **1. Đặt vấn đề**

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, chăm lo đến việc sử dụng, phát triển các thành phần kinh tế (KT), trong đó luôn coi trọng và đưa ra những chính sách hấp dẫn để thúc đẩy KT TBNN phát triển. Thực tế qua 24 năm đổi mới, thành phần KT TBNN luôn chứng tỏ sự hấp dẫn, tính tất yếu của nó. Tuy vậy con đường tiến lên phía trước còn gặp nhiều vấn đề mà chúng ta cần tiếp tục giải quyết cả phương diện lý luận lẫn thực tiễn. Trong quá trình thực hiện KT TBNN Đảng ta vừa tổng kết lý luận vừa tổ chức hoạt động thực tế, nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy thế mạnh từng địa phương từng vùng trong sự phát triển chung của đất nước.

#### **2. Một số cơ sở lý luận**

Quan niệm của Lênin về thành phần kinh tế tư bản nhà nước đó là sự can thiệp của nhà nước Xô Viết vào doanh nghiệp tư bản.

Mô hình thực hiện thành phần kinh tế (KT) này ở nước Nga năm 1921-1924: đó là các xí nghiệp công tư hợp doanh, liên doanh, tô nhượng, cho tư bản làm đại lý cung

tiêu, gia công, ... Lênin khẳng định: “Giai cấp vô sản buộc phải để cho chủ nghĩa tư bản (CNTB) tham gia vào sự nghiệp của mình”. Theo Lênin, nước Nga bây giờ “Chưa nên xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ngay, mà trong nhiều lĩnh vực kinh tế chúng ta cần lùi về chủ nghĩa TBNN” [1/255]. “Phải biết mượn tiền đề của các nước tư bản phát triển” [2/99]. Lênin còn nói chủ nghĩa TBNN gần với CNXH hơn cả. Cái cầu nhỏ để đưa nước Nga quá độ lên CNXH. Lênin chủ trương làm cho chủ nghĩa tư bản tư nhân “Đóng vai trò trợ thủ cho CNXH” [3/281]. Đối với CNTB tư nhân Lênin chủ trương phải bằng nhiều cách đưa nó vào con đường chủ nghĩa TBNN. Còn loại thứ hai tuy cũng là CNTB nhưng nó khác về chất so với tư bản tư nhân, nó gần với CNXH hơn là gần với CNTB đó là thành phần kinh tế 3/4 CNXH” [4,202].

Đề xuất “Chính sách kinh tế mới” Lênin viết: “CNTB là bước phát triển thấp so với CNXH, CNTB lại là giai đoạn phát triển cao so với thời trung cổ, với nền tiểu sản xuất, ..., bởi vậy chúng ta phải sử dụng CNTB làm mắc xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và CNXH, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên”. [5,276].

Còn C.Mác khẳng định “... Chúng ta vừa khổ sở về sự phát triển của sản xuất TBCN, mà cũng khổ sở về việc không có sự phát triển đó. Ngoài những tai hoạ của thời đại hiện nay, chúng ta còn chịu đựng một chuỗi những tai hoạ di truyền sinh ra bởi phương thức sản xuất (SX) đã quá lỗi thời vẫn tiếp tục tồn tại dai dẳng với một trảng quan hệ chính trị xã hội cũ kỹ do các phương thức đó để lại. Chúng ta đau khổ do những người đang sống mà còn do những người đã chết nữa. Người chết túm chặt người sống” [6,16].

Quan điểm của Đảng ta về thành phần KT này: *KT TBNN là thành phần KT bao gồm các hình thức liên doanh liên kết giữa KT nhà nước với tư bản tư nhân trong và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh doanh.*

Từ Đại hội VI (1986) đến nay Đảng ta luôn chủ trương phát triển nền KT nhiều thành phần. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã khẳng định: *Phát triển mạnh các thành phần KT, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh.* Các thành phần KT nhà nước, KT tập thể, KT tư nhân, KT tư bản nhà nước, KT có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật, đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền KT thị trường định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Bình đẳng trước pháp luật cùng tồn tại lâu dài (*Văn kiện đại hội x tr 83*). Xu hướng vận động chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế ở nước ta theo hướng hiện đại, hiệu quả; liên kết đan xen với nhau (vừa hợp tác vừa cạnh tranh), để tiến tới hình thành KT hỗn hợp.

Về hình thức thực hiện KT TBNN ở nước ta rất đa dạng, phong phú, liên doanh, liên kết, hợp tác dưới nhiều hình thức (*xem mục 3*).

Phát triển KT TBNN, vừa huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước; chia sẻ thông tin kinh nghiệm, quản lý, kinh doanh trong một nền sản xuất hiện đại, toàn cầu hoá. Vừa chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ từ các nước đến với nước ta; cũng qua liên doanh các bên đều khai thác được lợi thế so sánh, giảm chi phí, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh. Xoá bỏ thủ, yếu kém, khép kín, độc quyền.

Trên đây là những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, của Đảng ta về xây dựng CNXH dựa trên nền kinh tế nhiều thành phần, nhất là tư tưởng công nhận KT TBNN trong thời kỳ quá độ. Thành công của công cuộc đổi mới ở nhiều nước XHCN, nhất là thực tế hùng hồn ở nước ta khẳng định giá trị bền vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Thời đại ngày nay là thời đại hội nhập, mở cửa, toàn cầu hoá cho nên việc liên minh liên kết giữa chủ doanh nghiệp lớn với nhà nước trở thành phổ biến và phát triển đa dạng, đa hình thức, đa phương là một xu thế tất yếu, model của thời đại.

#### *Kinh nghiệm một số nước trong việc thực hiện KT TBNN*

Tất cả các nước hiện nay trên thế giới đều có thành phần KT này nó tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau đó là sự liên doanh, liên kết giữa nhà nước với các chủ tư bản trong và ngoài nước để từ đó cùng nhau điều tiết nền kinh tế thị trường theo thuyết “Hai bàn tay”. Đối với các nước tư bản sự ra đời tồn tại hình thức KT này cũng là nhu cầu về huy động tối đa nguồn lực, để mở rộng thị trường, để hình thành những tổ chức KT quốc tế (EU, IMF, WB, WTO, ...). Về phía các chủ doanh nghiệp muốn dựa vào nhà nước thông qua các cơ sở KT của nhà nước để ký các hợp đồng KT, các đơn đặt hàng; ngược lại nhà nước muốn thâm nhập vào các doanh nghiệp lớn để điều tiết KT vĩ mô, hay cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước mà hình thành KT TBNN.

Thực tế như: 13 công ty dầu khí lớn nhất lại do các chính phủ làm chủ và điều hành trong đó có liên kết với các chủ tư bản lớn (Saudi Aramco của Saudi Arabia; Công ty dầu khí quốc gia Iran; Petroleos de Venezuela, SA của Venezuela; Gazprom và Rosneft của Nga; ...), một số công ty khác thì nhà nước tham gia dưới hình thức liên doanh, góp vốn hoặc dưới hình thức tô nhượng.

Thực tế như ở Nga hiện nay bất cứ doanh nghiệp lớn nào thành công đều phải có quan hệ tốt với nhà nước như: sản xuất điện thoại cố định, viễn thông, vận tải, công ty Nonilsk Nickel (khai thác mỏ), công ty Novolipetsk Steel, NMK Holding và Evraz, Metanlloinvest (ngành thép) ....

Trung Quốc là một quốc gia thành công về cải cách kinh tế trong hơn 30 năm qua là nhờ sử dụng tốt thành phần KT TBNN. Trước tiên phải kể đến sự phát triển của 5 Đặc khu KT (Thâm Quyển, Hạ môn, Chu Hải, Sán Đầu, Hải Nam), 15 khu chế xuất và nhiều khu công nghiệp (Khu Công nghiệp Tô Châu được coi như thung lũng Silicon mới). Thực chất của đặc khu KT, khu chế xuất, khu công nghiệp là dựa vào *chủ nghĩa TBNN*. Hiện nay ở Trung Quốc những doanh nghiệp hàng đầu quốc gia như tập đoàn hàng không AVIC, Huawei (viễn thông) và Lenovo (máy tính) đều có quan hệ KT với nhà nước để được nhà nước ưu đãi (như liên doanh giữa Cty Honda với Quảng Châu). Thành công về KT của khu KT tự do vịnh Subic ở Philippinnes cũng chính là sự phát triển KT TBNN, cho đến việc sửa đổi luật đầu tư (ký ngày 27/01/2010) đối với Khu thương mại tự do Rason cũng là sự vận dụng chủ nghĩa TBNN ở Triều Tiên.

Thực tế ở nước ta trong quá trình chuyển dịch cơ cấu thành phần KT cho thấy KT TBNN ngày càng tăng cả về quy mô và tỷ trọng GDP, trong năm 1996, KT TBNN

chiếm 11% GDP và đến 2005 chiếm trên 20% GDP cả nước. Đối với nước ta sự hình thành các khu công nghiệp; khu KT mở (Chu Lai, Dung Quốc, Nhơn Hội, Chân Mây, Phú Quốc, Vũng Án, Vân Phong, Nghi Sơn, Vân Đồn, Đông Nam Nghệ An, Đình Vũ-Cát Hải, Nam Phú Yên, Hòn La, Định An ); Đặc khu KT (Côn Đảo, Hải Hà- Quảng Ninh); Các Khu KT cửa khẩu, để nhằm thu hút các liên doanh, các nhà đầu tư, nhất là từ bên ngoài.

### 3. Thực tế sự phát triển KT TBNN ở Đà Nẵng

Sự vận dụng KT TBNN ở thành phố Đà Nẵng (ĐN) với nhiều cách làm mới, sáng tạo, được mở rộng, phát triển không những chỉ có liên doanh giữa KT nhà nước với tư bản trong và ngoài nước mà còn có sự liên kết hỗ trợ của NN với mọi thành phần KT theo phương châm “NN và nhân dân cùng làm”. Đó là NN có đất có kế hoạch, quy hoạch, có chính sách, có quyết tâm, ... NN sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân “đổi đời” và thành phố phát triển trên mọi lĩnh vực. Phải nói đây là cách làm mới “*Đặc khu KT kiểu mới*”, đồng thời đó cũng là sự vận dụng bước đầu rất thành công của thành phần KT TBNN ở Đà Nẵng.

Theo báo cáo của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố ĐN thì tổng số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh hiện nay là 11.800 doanh nghiệp với số vốn đăng ký là 28,5 ngàn tỷ đồng (chưa kể vốn FDI). Năm 2009 tăng 21,6% về số doanh nghiệp và 12,3% về vốn so với cuối năm 2008. Vốn FDI cũng tăng, năm 2009 cấp mới 24 dự án với số vốn 172,8 triệu USD. Vốn tăng thêm 97,5 triệu USD. Luỹ kế đến nay đã có 164 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 2,62 tỷ USD, trong 164 dự án đó đều có NN góp vốn ít ra cũng liên kết dưới hình thức tô nhượng. Tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố năm 2009 ước đạt 11,2%.

Ở ĐN thành phần này thông qua các hình thức liên doanh (LD): Với công ty Korea Investment và Securities Co, Ltd (Hàn Quốc), ...; LD trong việc xây dựng chung cư cho người thu nhập thấp và nhà ở cho sinh viên (LD giữa Công ty cổ phần đầu tư 579 và Công ty cổ phần Đức Mạnh với UBND thành phố ĐN theo cơ chế 50-50); Khôi phục (sau 8 năm gián đoạn) dự án LD sản xuất ô tô Nissan giữa 3 đối tác: Nissan (Nhật), Tan Chong (Malaysia) và Nhà máy Cơ khí Ô tô ĐN với số vốn 110 triệu USD; Liên doanh Vina Projects cũng bắt đầu triển khai tại ĐN với số vốn hàng triệu USD; LD ITC - Phong phú; Nhà máy Điện tử Focter; Nhà máy Lắp ráp động cơ Diesel; Công ty cổ phần (CP) thép ĐN – Ý; Dây chuyền luyện phôi thép của công ty CP Thái Bình Dương. Trong đó một số DN có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đầu tư mở rộng, đạt mức tăng trưởng cao như: Mabuchi Motor (tăng 87%), Daiwa (86,1%). LD dưới hình thức mở chi nhánh (Đông Á Tô Hiến Thành, NH Đông Nam Á, NH thương mại Việt Á, NH Á Châu, ...); LD dưới hình thức “mượn thương hiệu có uy tín” để xuất khẩu, gia công, làm đại lý cung tiêu cho tư bản nước ngoài trên nhiều lĩnh vực, đa dạng, đa phương. Thành công trong LD phải nói đến lĩnh vực viễn thông, dịch vụ (du lịch, quảng cáo, nghe nhìn, ...) và hình thành các khu công nghiệp, ...

Đặc biệt là trong LD đầu tư – xây dựng cơ bản: Nếu chỉ tính từ 1999 – 2010 theo tôi ở ĐN đã huy động gần 5 tỷ USD chủ yếu từ đất đai, vốn của dân và các nguồn

lực khác. Chỉ trong năm 2009 thành phố đã phê duyệt 179 dự án xây dựng cơ bản, tổng mức đầu tư 5.420 tỷ đồng; phê duyệt 160 hồ sơ đấu thầu, giá trị 2.125 tỷ đồng (*Nguồn từ Sở Kế hoạch và Đầu tư ĐN*). Phải nói ĐN mười mấy năm qua đã xây dựng hàng mấy trăm km đường lớn nhỏ, kèm theo đường là cầu, cống, điện nước, bệnh viện, trường học, đền thờ, thư viện, công viên, nhà thi đấu thể thao... . Trong đó có những công trình mà nhà nước có kế hoạch và bỏ vốn sau đó là huy động sức dân. Tất cả các công trình công cộng kể trên phải nói đó là sự LD giữa KT nhà nước với các thành phần KT khác, trong đó vốn của KT nhà nước thành phố chiếm tỷ trọng lớn. Đây là lĩnh vực thành công nhất của ĐN.

LD trong lĩnh vực đào tạo, Y tế ra đời muộn hơn và phát triển còn chậm. Nhưng cũng đã xuất hiện một số liên kết như: liên kết đào tạo giữa ĐHĐN với trường Đại học Nagaoka (Nhật), Towson (Mỹ), Sunderland (UK) , Toulon Var (Pháp) ... ĐHĐN đã và đang triển khai nhiều dự án từ nguồn vốn ODA của Ngân hàng Thế giới, của tổ chức Atlantic Philanthropies – Hoa Kỳ (4 triệu USD), của chính phủ Áo (5,2 triệu EURO), dự án TRIG của Ngân hàng Thế giới (6, triệu USD) ...

Cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước trong đó nhà nước để lại một phần vốn là chủ trương chung của cả nước và thành phố ĐN cho đến nay đã tiến hành cổ phần hoá hầu hết các doanh nghiệp NN, đa số các công ty cổ phần này đều làm ăn có hiệu quả hơn trước và tránh được hiện tượng “Cha chung không ai khóc”.

Nhìn chung KT TBNN ở ĐN ban đầu mới hình thành chỉ vài ba “Công ty hợp doanh”, sau 1990 đến nay phát triển rất mạnh ở tất cả các lĩnh vực, qui mô ngày càng tăng, khả năng cạnh tranh lớn hơn trước, năng động và thích nghi nhanh với KT thị trường, hiệu quả KT – xã hội cao hơn trước, góp phần giải quyết việc làm, mở rộng được thị trường nhất là thị trường khu vực và quốc tế. Tất nhiên trong kinh doanh cũng có lúc lời lúc thua lỗ, nhưng số doanh nghiệp thuộc thành phần này phá sản cũng không nhiều.

#### **4. Một số biện pháp để phát triển thành phần KT TBNN**

\* Tạo điều kiện, môi trường, động lực tốt hơn nữa cho việc liên doanh, liên kết giữa KT nhà nước với các thành phần KT trong và ngoài nước

Điều kiện chủ yếu là tạo ra cơ sở hạ tầng vật chất, hạ tầng xã hội, hành lang pháp lý thuận lợi và một số điều kiện khác. Môi trường phải đảm bảo cả về mặt tự nhiên, kỹ thuật và xã hội. Nhưng ở đây một mặt vừa phải tạo ra điều kiện, môi trường thuận lợi nhưng mặt khác phải đảm bảo lợi ích, lợi nhuận cho các bên tham gia tức là phải tạo động lực cho sự phát triển.

\* Mở rộng liên doanh, liên kết giữa KT nhà nước với các thành phần KT để huy động tối đa các nguồn vốn, nguồn lực kể cả trong và ngoài nước với nhiều hình thức, đa dạng đa phương.

\* Qua liên doanh, liên kết để khai thác lợi thế so sánh giữa các thành phần KT, giữa nước ta với các nước. Đồng thời phát huy cho được thế mạnh của từng địa phương từng vùng trên cả nước.

\* Liên doanh, liên kết với tư bản nhất là tư bản nước ngoài để mở rộng thị trường, để khai thác lợi thế so sánh, để khai thác vốn, kỹ thuật công nghệ, kinh nghiệm ... .

\* Thông qua hình thức KT TBNN để tăng cường hợp tác, chuyển giao công nghệ ... Nhất là một số ngành, lĩnh vực mà mới liên kết liên doanh và về số lượng còn ít như: Giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, bảo hiểm ... .

## **5. Kết luận**

Quá trình đổi mới nền KT ở nước ta cho thấy sự vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của các nhà kinh điển và sự đúc kết kinh nghiệm của một số nước trong quá trình phát triển KT của đất nước cũng như ở thành phố ĐN bước đầu đã thành công, trong đó phải nói đến sự phát triển nhanh chóng, có hiệu quả của KT TBNN.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Lênin toàn tập (T.44/1978), NXB Tiến bộ Mat cơ va, tr 255.
- [2] Lênin toàn tập (T.43/1978), NXB Tiến bộ Mat cơ va, tr 99.
- [3] Lênin toàn tập (T.43/1978), NXB Tiến bộ Mat cơ va, tr 281.
- [4] Lênin toàn tập (T.44/1978), NXB Tiến bộ Mat cơ va, tr 202.
- [5] Lênin toàn tập (T.43/1978), NXB Tiến bộ Mat cơ va, tr 276.
- [6] C. Mác (T.4/1993) Lời tựa viết cho bản tiếng Đức. Nxb sự thật Hà Nội tr 16.
- [7] Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Nxb chính trị QG Hà Nội tr 83.
- [8] Báo cáo kế hoạch phát triển KT – xã hội năm 2010 của thành phố Đà Nẵng.